

WP-0104

REPUBLIC OF VIET NAM

Province : Phu Yen
District : Tuy Hoa
District : Tuy Hoa

BIRTH CERTIFICATE EXTRACT

Full name : NGUYEN THI QUYNH NHU
Sex : Female
Date of birth : July 29 , 1969
Place of birth : Binh An , Tuy Hoa
Father's name : Nguyen Huu Chinh
Occupation : Merchant
Residence : Binh My , Tuy Hoa
Mother's name : Nguyen Thi Nguyet
Occupation : Housewife
Residence : Binh My , Tuy Hoa
Legitimate wife ? : Legitimate

Established at Tuy Hoa , August 12 , 1969

Declarants :
Nguyen Huu Chinh
Nguyen Nha

Witnesses:
Bui Le Dinh
Nguyen Thi Nghiem

True Copy

Tuy Hoa, August 12 , 1969
Civil Status officer
(Signed & Sealed)
Nguyen Nha

SUBSCRIBED AND SWORN TO
BEFORE ME THIS 7th DAY
OF Feb 1986


LY VAN NGUYEN
NOTARY PUBLIC

My Commission Expires 2-2 1986

CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE

I, LONG DUC HOANG, am competent to perform
the translation from the Vietnamese or French
into English or vice versa.



WP-0104

SAIGON CITY

REPUBLIC OF VIET NAM

DISTRICT : 10

VILLAGE : Nhut Tao

File # 218

BIRTH CERTIFICATE EXTRACT

Full name : NGUYEN THI TRUC OANH
Sex : Female
Date of birth : March 19 , 1975
Place of birth : Nhut Tao , District 10 , Saigon
Father's name : Nguyen Huu Chinh
Mother's name : Nguyen Thi Nguyet
Legitimate wife ? : Legitimate
Name of declarant : Mai Thi Dang

True Copy

Saigon , April 12, 1975
Civil Status officer
(Signed & Sealed)
Huynh Van Thinh

SUBSCRIBED AND SWORN TO
BEFORE ME THIS 7th DAY
OF Feb 1985

LY VAN NGUYEN
NOTARY PUBLIC

CERTIFICATION OF TRANSLATOR COMPETENCE

I , LONG DUC HOANG , am competent to perform
the translation from the Vietnam or French
into English or vice-versa.

Long Duc Hoang

My Commission Expires 1-1-1986

SAIGON CITY

REPUBLIC OF VIET NAM

DISTRICT : 10

VILLAGE : Nhut Tao

File # 218

BIRTH CERTIFICATE EXTRACT

Full name : NGUYEN THI TRUC OANH
Sex : Female
Date of birth : March 19 , 1975
Place of birth : Nhut Tao , District 10 , Saigon
Father's name : Nguyen Huu Chinh
Mother's name : Nguyen Thi Nguyet
Legitimate wife ? : Legitimate
Name of declarant : Mai Thi Dang

True Copy . .

Saigon , April 12, 1975
Civil Status officer
(Signed & Sealed)
Huynh Van Thinh

SUBSCRIBED AND SWORN TO

BEFORE ME THIS 7th DAY

OF 1975

LY VAN NGUYEN
NOTARY PUBLIC

CERTIFICATION OF TRANSLATOR COMPETENCE

I , LONG DUC HOANG , am competent to perform
the translation from the Vietnam or French
into English or vice-versa.

Long Duc Hoang

My Commission Expires 1986

Maryland JH-05-89

Kính thưa bà hội Trưởng,

Cháu xin kính chào :

- ngày khai tử của chú

- tính toán nhóm ở

- hộ khẩu (đất nộp năm nay)

- ngày khai tử (đất nộp ")

Nếu ra cháu kèm thêm thơ ở
bảng 10 &.

Và M'IV là 16987.

Thơ này, h'ba' lời cháu sau khi họ
nhận ngày tử (như cháu đã ghi
cho họ từ nhân của Bác)

Cháu xin kính chúc hội may mắn
đến được phục vụ gia đình từ nhân
chính - tr

Kính thư

phatkh

h'ba' ngày
cháu nộp
lại.

the Nguyen

gaitheersburg MD 20879

APR 07

TN chết
hệ thị Dục
chúng hệ Hieu chins

To. Hội gia - đình từ nhân chính trị Việt-Nam

P.O. Box 5435

Arlington, VA 22205-0635





HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV # 046987

* WIDOW OF FORMER POLITICAL PRISONER *
* REGISTRATION FORM *
* (Two Copies) *

VEWL. # _____

I-171: Yes, No

The purpose of this form is to identify WIDOWS AND UNMARRIED CHILDREN of former re-education camp prisoners who died while being detained in the camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. WIDOW APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN THI NGUYET
Last Middle First

Current Address 106 HOANG DIEU Q. 4. KHANH-HOI HO CHI MINH

Date of Birth FEB 01-42 Place of Birth VIET NAM

2. NAME OF FORMER RE-EDUCATION CAMP PRISONER WHO DIED IN THE CAMP (HUSBAND/
NGUYEN HUU CHINH FATHER)
re-education camp 2-300

Previous Occupation (before 1975) Captain
(Rank & Position)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP -- Dates: From 1975 To DEATH DATE: 06/03/1983

3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN THI DINH
Name

GAITHERSBURG MD
Address & Telephone 20879

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone	Relationship
<u>NGUYEN DINH THI</u>	<u>younger sister</u>
<u>NGUYEN HUU HIEU</u>	<u>Cousin</u>
<u>NGUYEN PHUOC HUU</u>	<u>Cousin</u>

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: 09-06-1988

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI NGUYET	Feb-01-1942	WIFE
NGUYEN THI QUYNH NHU	07-29-69	DAUGHTER
NGUYEN THI TRUC OANH	03-19-1985	"
NGUYEN HA VINH	05-01-71	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

NGUYEN THI NGUYET
 NGUYEN THI QUYNH NHU
 NGUYEN THI TRUC OANH
 NGUYEN HA VINH

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN HUU CHINH
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 01-07-1938
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): ✓ Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): ✓
 (Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 106 HOANG DIEU Q.4. KHANH HOI
 (Dia chi tai Viet-Nam) VIET NAM HO CHI MINH CITY

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) ✓ No (Khong) _____
 If Yes (Neu co): From (Tu): 1975 To (Den): 1983

PLACE OF RE-EDUCATION: Camp-2-30^D, K3-HAM TAN THUAN-HAI, VN
 CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): QUAN NHAU (captain)

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): 1/65 → 02/1966 OKINAWA-US PACIFICS-ALIED
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Captain
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____ Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): ✓ No (Khong): _____
 IV Number (So ho so): 046987

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 4
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 106 HOANG DIEU Q.4
KHANH HOI VIET NAM HO CHI MINH VN

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
GAITHERSBURG MD 20879

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): ✓ No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): YOUNGER SISTER

NAME & SIGNATURE: naishamk NGUYEN THI DINH
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)
GAITHERSBURG MD 20879

DATE: 09 06 1988
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI NGUYET	Feb 01-1942	WIFE
NGUYEN THI QUYEN NHU	07-29-69	DAUGHTER
NGUYEN THI TRUC OANH	03-19-85	II
NGUYEN HA VINH	05-01-71	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

THE UNITED STATES ORDERLY DEPARTURE PROGRAM

OPR ID = SI
RUN DATE: 09
PAGE NO.

WORKSHEET FOR FILE NUMBER IV 046987

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

SPONSOR IN THE UNITED STATE

Name: NGUYEN HUU CHINH

Name: ODP APPLICANT

Other names used:

DOB: (mmddyy) / /

COB:

Sex: M DOB: (mmddyy) 01/07/38 COB: VN

Address:

Address in Vietnam:

Telephone (Home): / / (Business): / /

106 HOANG DIEU, Q.4

Category: REF PRA USC

T.P. HO CHI MINH, VIETNAM

ACCOMPANYING RELATIVES

NAME	Sex	DOB	Rel.	COB	Documentation											
					FALCON	MM	DD	YY	IC	BCT	MC	MCT	GVN	PHOTO	OTHER	
1. NGUYEN HUU CHINH	M	01 07 38	PA	VN												
2. NGUYEN THI NGUYET	F	02 01 42	WI	VN												
3. NGUYEN HONG LAN DAI	F	08 16 85	NI	VN												
4. NGUYEN THI QUYNH NHU	F	07 29 69	DA	VN												
5. NGUYEN THI TRUC OANH	F	03 19 75	DA	VN												
6. NGUYEN HA VINH	M	05 01 71	SC	VN												
7.																
8.																
9.																
10.																
11.																
12.																
13.																
14.																

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

SPONSOR IN THE UNITED STATES

Symbol: 3E Priority Date: / / Rel-Sponsor to PA:

II-130 AOR AOS BC BCT MC MCT GVN PHOTO

OTHER

VEWL #:

SRV #:

JWL:

USG Empl/Training (Cat 2):

to

Pvt US Empl/Training (Cat 3-AC):

to

GVN/RVNAF SVC:

US Combat AWD:

ReEd Camp:

to

CAT 1 PKT:

FLUP:

OTHER:

CAT 2/3 PKT:

FLUP:

OTHER:

Replst by: ON: / / LOI Sent: / /

NOTIFIED OF EXIT PERMIT / / PERMIT # FEEDBACK LIST

Other Actions:

Medical Prob:

VOLAG NAME:

VOLAG ASSUR: Sought / / Recd: / / V #:

RECONF: Sought / / Recd: / /

POSSIBLE DUPS:

REF IV #:



Nguyễn
Thị Ngọc
Sinh ngày 1.2.
1942.
tại Nam
Định.



Nguyễn

Thị Huệ Oanh

Sinh ngày 19-3

1975
tại Sài Gòn



Nguyễn

Thị Quỳnh

Như, ngày 29.7
1969

tại Trung tâm

Ghi chú

- Học tập cải tạo 6/26/75 - 6/3/83
- Chết tại trại cải tạo 6/3/83
- Có giấy khai tử
- hồ sơ đang xử

BỘ NỘI VỤ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Trại Z 30 D Độc lập — Tự do — Hạnh phúc
Số 33

BIÊN BẢN PHẠM NHÂN CHẾT

Được tin báo của Cán bộ huyện tại Z 30 D
về việc anh, chị NGUYỄN HỮU CHÍNH Bí danh
Sinh ngày 07 tháng 07 năm 1938
Nguyên quán Phạm Đình

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 106 Đường Hoàng Diệu
quận 4 TP Hồ Chí Minh
Bị bắt ngày 26 tháng 6 năm 1975
Can tội Tập tước cải tạo An phạt
Theo biên bản án văn, quyết định số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____
của _____

Đã chết hồi 12 giờ 45 ngày 03 tháng 6 năm 1983
Tại nhà ở của trại (do sát nhân)

Chúng tôi trong Hội đồng khám nghiệm gồm có:

— Phạm Hữu Phái

Giám thị

— _____

Viện kiểm soát nhân dân thành, tỉnh

huyện, thị xã

— Ủy ban nhân dân thành, tỉnh, huyện, thị xã

— Bác Hoàng Cẩm

cán bộ y tế trại

— Vũ Minh Trí

y bác sĩ khám nghiệm

— Trương Đình Tu

người làm chứng

người làm chứng

Hội đồng khám nghiệm đã nghe cán bộ y tế phụ trách điều trị báo cáo quá trình diễn biến
bệnh tật của phạm nhân

GIÊN BẢN PHẠM NHÂN CHẾT

Ý kiến của bị can, phạm nhân biết việc này

Sau khi nghe ý kiến của những người kể trên, Hội đồng khám nghiệm tiến hành khám
nghiệm tử thi vào lúc _____ giờ _____ ngày _____ tháng _____ năm _____

Tại

Khám nghiệm trong điều kiện

Tiền, đồ vật còn lại:

Đã giao cho

Quản lý

Biên bản lập xong đã đọc lại cho mọi người có tên ghi trong biên bản nghe công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây:

UBND xã

Viện kiểm soát

Giám thị



Phan Hữu Phú

Y tế

Người làm chứng

Người làm chứng

[Signature]

[Signature]

[Signature]

Bà Hoàng Cẩm

Vũ mis Thi

Thầy Linh Su

Sau khi khám nghiệm xong, hội đồng thấy phạm nhân

chết là do nguyên nhân

Bị sét đánh.

Nguyễn Hữu Chính



Quinton 16/9/22

[Handwritten flourish]

1
4
8
9
2
2
3
8

TỈNH PHÚ-YÊN
QUẬN TUY-HÒA
XÃ TUY-HÒA
Số hiệu

TRÍCH-LỤC

CHỨNG - THƯ HÔN - THƯ

Tên, họ người chồng HOUYÊN-HỮU-CHÍNH

Ngành-nghiep Buôn bán.

Sanh ngày 07 tháng 01 năm 1938

Tại NAM-VIỆT. (Bắc-Việt)

Cư sở tại - n -

Tạm-trú tại Bình-Ấy, Tuy-Hòa, Phú-Yên.

Tên, họ cha chồng HOUYÊN-HỮU-ĐÌNH. 55 tuổi (o)

Sống chết phải nói)

Tên, họ mẹ chồng HÀ-THỊ-TÝ 57 tuổi (o)

Sống chết phải nói)

Tên, họ người vợ HOUYÊN-THỊ-HOUYẾT

Ngành-nghiep Nội-trợ.

Sanh ngày 01 tháng 02 năm 1942.

Tại Phố Hàng Gai, Nam-Định, (Bắc-Việt)

Cư sở tại - n -

Tạm trú tại Bình-Ấy, Tuy-Hòa, Phú-Yên.

Tên, họ cha vợ HOUYÊN-VĂN-QUYÊN 63 tuổi (o)

Sống chết phải nói)

Tên, họ mẹ vợ VŨ-THỊ-PHƯƠNG 67 tuổi (o)

Sống chết phải nói)

Ngày cưới NGÀY LẠN THÁNG NAM, NAM MỘT NGÀN CHÍN TRAM SÁU MƯƠI TÁM.

Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế

Ngày / tháng / năm /

Tại /

TRÍCH Y BỒN CHÁNH

TUY-HÒA ngày 15 tháng 05 năm 1968



GỬI-KHOA

Đại Ủy NGUYỄN-THÁI-LÂM

ĐO TỰ - PHÁP
SỞ TỰ - PHÁP HUẾ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

20/3

TÒA HÒA GIẢI

Chứng - chỉ Thề vì Khai - Sanh

Tuy-Hòa
số 262/4
ngày 28-12-59

của NGUYỄN THỊ NGUYỆT

Năm một ngàn chín trăm năm mươi chín tháng mười hai
ngày hai mươi sáu giờ.

Trước mặt chúng tôi là Nguyễn-trung-Thoại Quận-Trưởng
kiêm Thẩm-Phán Tòa Hòa-Giải Quận Tuy-Hòa ngồi tại Văn -
phòng có Ông Đinh-dũng-Lương, Lục-sự giúp việc
Có ông bà NGUYỄN-VĂN QUYẾN 54 tuổi, nghề-nghiep
công chức trú tại Phường Tư Xã Châu-thành Tuy-Hòa

thẻ kiểm-tra số 05/A.0196 ngày 12/9/1955 do Quận
Tuy-Hòa cấp, đến trình rằng hiện không thể xin trích-lục
khai-sanh của NGUYỄN-THỊ-NGUYỆT
sinh ngày một tháng hai năm 1942 tại làng Phố Hàng/Cau
quận tỉnh Nam - Định được vì lẽ

nơi sinh hiện nay ở bắc Vỹ-tuyên 17.
Nên yêu cầu Bản Tòa đăng vào lời khai của các nhân chứng có tên
kê sau, do y dân đến để lập chứng-chỉ thay thế chứng-thư hộ-tịch nói trên.

LIÊN ĐÓ CÓ ĐẾN TRÌNH DIỆN :

1o/ Nguyễn-thị-Ngà 51 tuổi, nghề Nội-trợ
trú tại Phường Nhị Xã Châu-thành Tuy-Hòa Phú-Yên.
thẻ kiểm-tra số 08/B.0097 ngày 20/10/1955
do Thị-Xã Phan-Rang. cấp.

2o/ Bùi-lê-Bảo 24 tuổi, nghề công-chức
trú tại Phường Nhị Xã Châu-thành Tuy-Hòa Phú-Yên.
thẻ kiểm-tra số 35/A.00284 ngày 23/8/1955
do Quận Tuy-Hòa cấp.

3o/ Chu-thị-kim-Oanh 27 tuổi, nghề nội-trợ
trú tại Phường Nhị Xã châu-thành Tuy-Hòa Phú-Yên.
thẻ kiểm-tra số 32/B.034617 ngày 7/12/1955
do Quận Năm Đổ-thành Saigon. cấp.

Ba nhân chứng trên này sau khi đã tuyên thệ và nghe đọc điều 331-337
H. V. HÌNH-LUẬT phạt tội ngụy chứng về việc hộ, đồng cam đoan quả quyết
biết chắc tên NGUYỄN-THỊ-NGUYỆT

sinh ngày mồng một tháng hai
năm một ngàn chín trăm bốn mươi hai
tại làng Phố Hàng/Cau quận
tỉnh Nam-Dịnh. con Ông Nguyễn-văn-Quyến
và Bà Vũ-thị-Phượng
hai Ông Bà này đã chính thức lấy nhau.

Những nhân chứng trên lại khai rằng hiện nay đương-sự không thể
xin sao lục giấy khai-sanh nói trên được vì lẽ nơi sanh
hiện nay thuộc bắc Vỹ-tuyên.

Bởi vậy Bản Tòa bằng theo lời khai của các nhân chứng và chiếu
điều 47 - 48 H. V. HỘ-LUẬT, lập chứng-chỉ thế vì khai-sanh này cho
tên NGUYỄN-THỊ-NGUYỄN

sanh ngày mồng một tháng hai
năm một ngàn chín trăm bốn mươi hai (1/2/1942)

tại Phố Hàng Cau quận
tỉnh Nam-Định con Ông Nguyễn-văn-Quyền

va Bà Vũ-thị-Phượng

đề cấp cho đương-sự theo như đơn xin.

Và các người chứng có ký tên với chúng tôi và ông Lục-sự sau
khí nghe đọc lại.

Lục - sự
ký tên LINH-DÔNG-LƯƠNG
và đóng dấu

Thẩm - Phán
ký tên NGUYỄN-TRUNG-THOẠI
và đóng dấu

Những người chứng

10/ Nguyễn-thị-Ngà

20/ Bùi-lê-Bảo

30/ Chu-thị-kim-Oanh

Người đứng xin

ký tên NGUYỄN-VĂN-QUYỀN

VIỆT NAM CỘNG HÒA
CON NIÊM
5.00

Trước bạ tại

Ngày tháng năm
Quyển tờ số
Thầu

CHỦ - SỰ,

TRƯỞNG-LỤC V CHÁNH-BẢN

Tuy H. ngày 22 tháng 12 năm 1959
LỤC-SỰ

LỤC-SỰ
ĐINH-DÔNG-LƯƠNG

VIỆT - NAM CỘNG - HOA

Tỉnh : PHÚ - YÊN
Quận TUY-HÒA.
Xã : TUY-HÒA.

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm 1969.

Số hiệu 2135.

TÊN HỌ ẤU NHI	NGUYỄN-THỊ-QUYÊN-NHƯ.
Phái	NỮ.
Sanh (Ngày, tháng, năm, ghi toàn chữ)	Ngày HAI MƯƠI CHÍN tháng BẢY năm MỘT NGÀN CHÍN TRĂM SÁU MƯƠI CHÍN. (29/07/1969.)
Tại	Bảo-sanh-viện Bình-An TUY-HÒA.
Cha (Tên họ)	NGUYỄN-HỮU-CHÍNH.
Nghề-nghiep	Buôn bán.
Cư trú tại	Bình-Mỹ, xã Tuy-Hòa.
Me (Tên họ)	NGUYỄN-THỊ-NGUYỆT.
Nghề-nghiep	Nội-trợ.
Cư trú tại	Bình-Mỹ, xã Tuy-Hòa.
Vợ (Vợ chánh hay vợ thứ)	Chánh.

Làm tại Xã TUY-HÒA, ngày 12 tháng 08 năm 1969.

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH.

Người khai

ký tên NGUYỄN-HỮU-CHÍNH

ký tên NGUYỄN-NHÀ.

Nhân chứng

ký tên ĐUÔI-LÊ-ĐÌNH.

ký tên NGUYỄN-THỊ-NGHIÊM.

N H I Ê N - T H U Ớ C .

Chữ ký của Ông NGUYỄN-NHÀ, Ủy-viên
hộ-tịch xã Tuy-Hòa.

TUY-HÒA ngày 12 / 08 / 1969.

Xã-Trưởng Xã Tuy-Hòa.

TRÍCH LỤC Y BỐN CHÁNH

Tuy-Hòa, ngày 12 tháng 08 năm 1969.

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH.



Đuôi Khoa

Chữ ký của Ông NGUYỄN-NHÀ

Đuôi Khoa

Đuôi Khoa

Đuôi Khoa

Đuôi Khoa

Đuôi Khoa

Đuôi Khoa

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

Quận 10
PHƯỜNG NHỰT-TẢO.

Số hiệu 218.

MIỄN LỆ-PHI

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 22 tháng 03 năm 19 75.

Tên họ đứa trẻ	NGUYỄN-THỊ-TRÚC-OANH.
Con trai hay con gái	NỮ.
Ngày sanh.	MƯỜI CHÍN THÁNG BA NĂM MỘT NGÀN CHÍN TRAM BẢY MƯƠI Lăm (19-03-1975)
Nơi Sanh	Phường NHỰT-TẢO, Quận 10 SÀI-GÒN.
Tên họ người cha	NGUYỄN-HỮU-CHÍNH.
Tên họ người mẹ	NGUYỄN-THỊ-NGUYỆT.
Vợ chánh hay không có hôn thú	Vợ chánh.
Tên họ người đứng khai	MAI-THỊ-ĐĂNG.

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁ NH
SAIGON, ngày 12 tháng 04 năm 19 75.



Viên-Chức Hộ-Tịch
KLT

Thư

HUỲNH-VĂN-THỊNH

QUESTIONNAIRE FOR EX POLITICAL PRISONER IN VIET NAM

I. BASIC INFORMATION OF APPLICANT IN VIET NAM :

1. Full name **NGUYỄN HỮU CHÍNH** (SECRET NUMBER 225)
2. Date, place of birth : **7-1-1938 NAM ĐỊNH PROVINCE**
3. Position before April 1975 :
 - Rank : **CAPTAIN**
 - Function : **AGENT HANDLER and ASSISTANT of 69th COLLECTION DETACHMENT - UNIT 101/J2/JGS (UNIT COUNTER PART - 525 MI GROUP USA)**
 - Military service : **58/105.366 /BT TM**
4. Month, date of year arrested : **JUNE 26 /1975**
5. Month, date, year deceased : **JUNE 3, 1983**
6. Photocopy of deceased certificate : **33/BNV/Z 30^D**
7. Present mailing address : **106, HOÀNG DIỆU, PHƯỜNG 12 Q.4 HO CHI MINH CITY**
8. Current address : **106 HOÀNG DIỆU, PHƯỜNG 12 Q.4 HO CHI MINH CITY**

II. LIST FULL NAMES, DOB, POB OF EX PP :

1. Relatives to accompany with the EX P.P

XX

No :	NAMES	: DOB :	POB	: Relationship
1	: NGUYỄN THỊ NGUYỆT	: 1/2/1942	NAM ĐỊNH	: wife
2	: NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	: 29/7/1969	PHÚ YÊN (TUY HÒA)	: Daughter
3	: NGUYỄN THỊ TRÚC OANH	: 19/3/1975	SAIGON	: Daughter
:	:	:	:	:
:	:	:	:	:
:	:	:	:	:

COMPLETE FAMILY LISTING (Living, dead)

- Father : **NGUYỄN VĂN QUỲNH** (DEAD)
- Mother : **VŨ THỊ PHƯƠNG** (dead)
- Father in law : **NGUYỄN HỮU BÌNH** (dead)
- Mother in law : **HÀ THỊ TÝ** living
- Spouse : **NGUYỄN THỊ NGUYỆT** living
- Sister : **NGUYỄN THỊ NGHIÊM** living
- BROTHER : **NGUYỄN KHẮC THỊNH** living